

Bản án số: 18/2026/DS-ST

Ngày: 08- 5 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thuỷ

Ông Phan Minh Đăng

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hà Thị Kim Quy - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-DS ngày 25/3/2026 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-DS ngày 14/4/2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Có mặt”

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. “Vắng mặt lần thứ hai không có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Ngày 26/7/2025, bà có cho bà Phạm Thị H vay số tiền là 20.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thoả thuận mượn 15 ngày sau sẽ trả.

Ngày 12/8/2025, bà có cho bà Phạm Thị H vay số tiền là 50.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thoả thuận sẽ trả toàn bộ số tiền trên chậm nhất vào ngày 12/9/2025.

Ngày 01/9/2025, bà có cho bà Phạm Thị H vay số tiền là 50.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thoả thuận mượn một tuần sẽ gửi trả.

Ngày 19/9/2025, bà có cho bà Phạm Thị H vay số tiền là 50.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thoả thuận sẽ trả toàn bộ số tiền trên chậm nhất vào ngày 29/9/2025.

Do bà H không trả nợ đúng hạn nên bà đã khởi kiện bà H và đã được Toà án thụ lý vào ngày 12/11/2025. Sau đó bà H đã viết cho bà một “giấy vay tiền giấy cam kết” trong đó có nội dung: Bà H thừa nhận tổng cộng số tiền đã vay của bà là 170.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 01/9/2025, ngày 12/8/2025, ngày 26/7/2025 và ngày 19/9/2025 và bà H xin nhận trả gốc và sẽ trả mỗi tháng 1.000.000đ trừ vào tiền gốc hàng tháng cho bà đến khi hết số nợ 170.000.000đ, thời gian trả tính từ tháng 12 năm 2025. Nếu vi phạm cam kết bà có quyền khởi kiện. Vì vậy bà đã rút đơn khởi kiện đối với bà H. Tuy nhiên từ tháng 12 năm 2025 đến nay sau khi bà rút đơn thì bà H cũng không thực hiện đúng cam kết là hàng tháng sẽ trả cho bà 1.000.000đ và cũng chưa trả thêm cho bà được khoản tiền nào.

Nay bà yêu cầu Toà án buộc bà Phạm Thị H trả cho bà số tiền là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai ngày 09/3/2026, bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị O tổng cộng 04 lần vào các ngày 26/7/2025, 12/8/2025, 01/9/2025 và 19/9/2025 với số tiền là 170.000.000đ. Bà thừa nhận số tiền cũng như các nội dung thoả thuận và chữ ký trong các giấy mượn tiền trên là của bà. Sau đó đến ngày 23/9/2025 bà đã hết khả năng đóng tiền lời cho bà O nên bà O có kiện bà ra Toà và hai bên đã thoả thuận với nhau. Vì vậy bà đã viết giấy cam kết sẽ trả gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian trả từ tháng 12 năm 2025. Đến nay bà chưa gửi được cho bà O khoản tiền nào. Bà có đến gặp để xin đi làm gửi dần nhưng bà O không đồng ý. Nay bà đồng ý khi nào làm ăn được bà sẽ trả đủ cho bà O.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà H đã được Toà án triệu tập họp lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 207, Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đồng thời đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp cho bà H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà O không đồng ý với ý kiến của bà H về việc khi nào bà H làm ăn được sẽ trả cho bà. Bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà số tiền là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Bà O không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà H tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các quyết định tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O, buộc bà H phải trả cho bà O số tiền là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Do bà O không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị O khởi kiện bà Phạm Thị H về việc bà H có vay tiền của bà O nhưng đến hạn không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn bà H có địa chỉ tại: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu của bà O buộc bà H phải trả cho bà số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) thì thấy rằng:

Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà O đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là bản chính giấy mượn tiền ghi các ngày 26/7/2025, 12/8/2025, 01/9/2025, 19/9/2025 và “giấy vay tiền giấy cam kết” để làm căn cứ khởi kiện. Bị đơn bà H cũng thừa nhận có vay tiền của bà O tổng cộng 04 lần vào các ngày 26/7/2025, 12/8/2025, 01/9/2025 và 19/9/2025

với số tiền là 170.000.000đ. Bà H thừa nhận số tiền cũng như các nội dung thoả thuận và chữ ký trong các giấy mượn tiền trên là của bà và bà đã viết giấy cam kết sẽ trả gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian tính từ tháng 12 năm 2025. Đến nay bà H chưa gửi được cho bà O khoản tiền nào. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự do được các đương sự thừa nhận. Do đó, việc nguyên đơn bà O căn cứ vào giấy mượn tiền ghi các ngày 26/7/2025, 12/8/2025, 01/9/2025, 19/9/2025 và “giấy vay tiền giấy cam kết” để khởi kiện bà H là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Về ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của bà O thì thấy rằng:

Tại bản tự khai ngày 09/3/2026 bà H trình bày: Bà đồng ý khi nào làm ăn được bà sẽ trả đủ cho bà O. Bà H thừa nhận kể từ tháng 12 năm 2025 bà H cũng chưa trả cho bà O bất kì khoản tiền nào

Đối chiếu với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thấy rằng bà H phải có trách nhiệm trả đủ tiền cho bà O khi đến hạn. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả nợ như hai bên đã thoả thuận trong giấy mượn tiền ghi các ngày 26/7/2025, 12/8/2025, 01/9/2025, 19/9/2025. Đồng thời kể từ tháng 12 năm 2025 bà H cũng thừa nhận chưa trả cho bà O được khoản tiền nào và bà có xin bà O trả dần nhưng bà O không đồng ý. Như vậy, bà H cũng đã vi phạm cam kết trả nợ theo “giấy vay tiền giấy cam kết” làm ảnh hưởng đến đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà O. Bà H không đưa ra được một mốc thời gian cụ thể cho việc trả nợ mà chỉ trình bày khi nào làm ăn được bà H sẽ trả đủ cho bà O nên việc bà O không đồng ý với ý kiến của bà H là hoàn toàn có cơ sở.

Do nguyên đơn bà O không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích, đánh giá tại mục [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O buộc bà H phải trả cho bà O số tiền là: 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, **Điều 227, Điều 228**, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” đối bà Phạm Thị H.

Buộc bà Phạm Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là: 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại số cho bà Nguyễn Thị O số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà O đã nộp là 4.249.993đ (*Bốn triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000606 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 08/5/2026*), nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo kể từ ngày bị đơn nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 5 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Út

